

Đơn vị niêm yết : **Công ty CP Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình**

**Năm báo cáo: Năm 2017**

## **I. THÔNG TIN CHUNG:**

### **1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch tiếng Việt: Công ty CP Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình
- Tên tiếng Anh: Hoa Binhprovince Hung Long Trading investment joint stock company.
- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 5400 213 153 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 01/11/2016.
- Vốn điều lệ: 19.800.000.000, đồng (Mười chín tỷ, tám trăm triệu đồng)
- Địa chỉ: Phường Tân Hòa – Thành phố Hòa Bình – Tỉnh Hòa Bình
- Điện thoại: 0916 023 638 Fax: 02183.854138zb
- Website: <http://www.ximangsongda.vn>
- Email: phongketoanximangsongda@gmail.com
- Mã cổ phiếu: SCC

### **2. Quá trình hình thành và phát triển:**

Nhà máy xi măng Sông Đà chính thức được khởi công xây dựng từ tháng 02 năm 1993 với tổng diện tích đất đai là 35.333 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích nhà xưởng là 32.600 m<sup>2</sup>, diện tích sân bãi là 2.733 m<sup>2</sup>. Trước đây nhà máy là đơn vị thành viên của Công ty Sông Đà 12 thuộc Tổng công ty Sông Đà, kể từ 01 tháng 11 năm 2002 nhà máy chính thức trở thành Công ty cổ phần xi măng Sông Đà hoạt động theo Luật doanh nghiệp theo Quyết định số 1461/QĐ/BXD ngày 01/11/2002 với số vốn Điều lệ khi thành lập là 17 tỷ đồng (trong đó Tổng công ty Sông Đà giữ cổ phần chi phối chiếm tỷ lệ 52,7%). Công ty tiếp tục hoạt động trên cơ sở máy móc, dây chuyền thiết bị công nghệ và nguồn nhân lực hiện có. Đến ngày 01/11/2016 Công ty đã đổi tên thành Công ty CP Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình. Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của Pháp luật Việt Nam, có con dấu riêng và độc lập về tài sản, có Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

+ Niêm yết: ngày 20 tháng 12 năm 2006 cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội

+ Hủy niêm yết : ngày 23 tháng 5 năm 2013 cổ phiếu của Công ty hủy niêm yết trên sàn Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định 176/QĐ-SGDHN.

+ Niêm yết: ngày 06 tháng 08 năm 2014 cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn Upcom

+ Các sự kiện khác: Trong năm 2017, hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra bình thường.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và tiêu thụ xi măng; kinh doanh vận chuyển, cho thuê bến bãi, sản xuất gạch bê tông...
- Địa bàn kinh doanh chính: Khu vực thành phố Hòa Bình – tỉnh Hòa Bình

### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**



- Xây dựng, quản lý quy trình kỹ thuật, quy trình vận hành, bảo quản sửa chữa máy móc thiết bị
- Quản lý hồ sơ sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hồ sơ kỹ thuật về thiết bị máy móc.
- Quản lý xe, máy, thiết bị xây dựng, tài sản cố định,...
- Lập kế hoạch dự trữ vật tư, phụ tùng thay thế hàng tháng,..

### **Phòng Kế hoạch kinh doanh**

- Tham mưu giám đốc ký Hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán vật tư, nguyên liệu và sản phẩm của công ty.
- Lập kế hoạch và thanh toán tiền lương, thưởng,..
- Xây dựng, điều hoà kế hoạch sản xuất kinh doanh; Lập và trình duyệt các kế hoạch định hướng của công ty.
- Theo dõi, lập báo cáo tiêu hao nguyên vật liệu trong sản xuất; theo dõi việc kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm của công ty
- Lập kế hoạch đầu tư, tái đầu tư; theo dõi, tổ chức thực hiện đúng trình tự về công tác đầu tư,...
- Dự trữ, cấp phát các loại nguyên, nhiên vật liệu, vật tư bảo hộ lao động; quản lý, điều hành thủ kho và kho thành phẩm, tổ bốc xếp, tổ vận tải trực thuộc phòng quản lý đáp ứng cho yêu cầu tiêu thụ sản phẩm.
- Quản lý, điều hành các đại lý tiêu thụ xi măng
- Quảng cáo, giới thiệu sản phẩm

### **Phòng Tài chính - kế toán**

- Ghi chép, tính toán, phản ánh tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, quá trình và kết quả hoạt động SXKD và sử dụng kinh phí của công ty.
- Cung cấp số liệu, tài liệu cho việc điều hành SXKD, lập báo cáo kế toán, thống kê, quyết toán của công ty.
- Lập phương án nguồn vốn và sử dụng vốn hàng năm, kế hoạch, tính dụng. lợi nhuận,...
- Tính toán, trích nộp các khoản nộp ngân sách nhà nước, các loại quỹ, phân phối lợi nhuận,....
- Quản lý tiền mặt, chi lương, chi thưởng,...

### **4.2- Các công ty liên kết: không có.**

## **5. Định hướng phát triển đến năm 2018:**

### **5.1- Định hướng phát triển**

Xây dựng dây chuyền sản xuất gạch không nung của Công ty là ngành nghề chính và lấy hiệu quả kinh tế, chất lượng sản phẩm, uy tín khách hàng là thước đo chủ yếu cho sự phát triển bền vững. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, phát huy cao độ mọi nguồn

lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín. Cải tạo, sửa chữa mặt bằng Công ty để cho thuê dịch vụ bến bãi; bốc dỡ hàng hóa đường thủy, kinh doanh thương mại.

### **5.2- Nhiệm vụ chủ yếu:**

- Năm 2017 duy trì chuẩn bị mặt bằng phục vụ thuê bến bãi, bốc dỡ hàng hóa đường thủy, kinh doanh thương mại.

### **5.3 – Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:**

Duy trì SXKD, đảm bảo đủ công ăn việc làm cho người lao động đồng thời nghiên cứu chuyển đổi, mở rộng ngành nghề SXKD, sản xuất những sản phẩm thân thiện với môi trường phù hợp với chủ trương của nhà nước như sản xuất gạch không nung.

## **6. Các rủi ro có thể xảy ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:**

### **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá cả hàng hóa.

#### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

### **Rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

#### *Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan và các khách hàng hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Năm 2017, Tổng doanh thu của Công ty là: 21,773 tỷ đồng.

Năm 2017 số dư nợ cũ cao và khó thu nợ, Công ty chuyển hướng trọng tâm sang kinh doanh vật liệu xây dựng. Tổng số lãi năm 2017 là : 3,664 tỷ đồng.

Tại thời điểm 31/12/2017:

- Tổng tài sản của Công ty là: 38.278.215.782 đồng trong đó Tài sản ngắn hạn: 19.995.583.520 đồng và tài sản dài hạn là 18.282.632.262 đồng
- Tổng nguồn vốn của Công ty là: 38.278.215.782 đồng trong đó vốn chủ sở hữu là: 10.221.590.952 đồng, nợ phải trả 28.056.624.830 đồng

\*Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Năm 2018 và các năm tiếp theo Công ty tiếp tục duy trì và mở rộng sản xuất kinh doanh gạch không nung, kinh doanh thương mại. Đảm bảo mang lại thu nhập cho CBCNV Công ty và đảm bảo cổ tức cho cổ đông.

### **2. Tổ chức và nhân sự:**

#### **2.1- Danh sách ban điều hành:**

##### **2.1.1- Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Văn Hưng**

Ngày sinh: 02/02/1972

Nơi sinh: Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: phường Nam Thanh, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Quá trình công tác:

- Năm 2005 –2010 : Trưởng phòng Vật tư Công ty cổ phần xi măng Điện Biên.
- Năm 2010 – 2011: Phó Giám đốc Công ty TNHH Thành Long.
- Năm 2012 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty cổ phần ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên.
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty cổ phần ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

### **2.1.2- Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Mạnh Hà**

Ngày tháng năm sinh: 01/07/1975

Nơi sinh: Duy Tân, Kinh Môn, Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Duy Tân, Kinh Môn, Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Duy Tân, Kinh Môn, Hải Dương.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

- Từ 1995-1998: cán bộ kỹ thuật sửa chữa điện tại Công ty xi măng Trung Hải.
- 1999-2002: tự kinh doanh thầu xây lắp về điện.
- 2003-2005: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Xi măng Tân Phú Xuân.
- 2006-tháng 11/2005: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Xi măng Điện Biên.
- Tháng 12/2015-05/01/2016: Phó Giám đốc Công ty CP Xi măng Sông Đà.
- 06/01/2016- 31/10/2016: Giám đốc Công ty CP Xi măng Sông Đà
- 01/11/2016-31/01/2017: Giám đốc Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình.
- 01/02/2017: miễn nhiệm Giám đốc Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 91.850 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

### **2.1.3 Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Thế Vinh**

Ngày tháng năm sinh: 14/06/1983

Nơi sinh: Dũng Tiến, Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Dũng Tiến, Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Dũng Tiến, Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Quá trình công tác:

- 11/2005 – 04/2006: : Công nhân cơ khí Công ty xi măng Phúc Sơn
- 05/2006 – 12/2008: Công nhân cơ khí Công ty xi măng Phúc Sơn.
- 01/2009 – 04/2009: Kỹ sư cơ khí Công ty xi măng Phúc Sơn.
- 05/2009 – 11/2009: Kỹ sư cơ khí Công ty Cổ phần xi măng Tân Phú Xuân.
- 05/2010 – 12/2011: Công nhân Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Hợp nhất.
- 2012: Phó Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Hợp nhất

- 2013-2015: kinh doanh tự do

-01-08/2016: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên

- 09-10/2016: Phó Giám đốc Kỹ thuật Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình

- 11/2016- nay: Giám đốc Kỹ thuật Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình

Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

#### **2.1.4 Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Đặng Xuân Dương**

Ngày tháng năm sinh: 16/12/1980

Nơi sinh: Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Quá trình công tác:

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

- Từ 08/2014 trở về trước: kinh doanh tự do.

- Từ 09/2014-04/2015: Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên

- Từ tháng 01/2016- nay: Giám đốc Chi nhánh Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên

- Từ ngày 02/11/2016- 30/05/2017: Tổng Giám đốc Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

- Đã miễn nhiệm ngày 31/05/2017.

Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

#### **2.1.5 Trưởng Ban kiểm soát - Ông Ngô Văn Định**

Ngày tháng năm sinh: 14/10/1988

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quỳnh Sơn, Quỳnh Phụ, Thái Bình.

Địa chỉ thường trú: Tuần Giáo, Tuần Giáo, Điện Biên

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 2010-08/2016: công tác tại Công ty TNHH Kiểm toán A&C.
- Từ 09/2016- nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

#### **2.1.6- Thành viên Ban kiểm soát – Bà Nguyễn Thị Oanh**

Ngày tháng năm sinh: 15/05/1972

Nơi sinh: Đồng Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đồng Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: tổ 04, phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Quá trình công tác:

- Từ 10/2000-2012: nhân viên phòng Kỹ Thuật- Công ty Cổ phần xi măng Sông Đà.

- 01-11/2013: Phó trưởng Phòng Kỹ thuật- Công ty Cổ phần xi măng Sông Đà.

- Từ 12/2013- 11/2015: Trưởng Phòng Kỹ thuật- Công ty Cổ phần xi măng Sông Đà.

- Từ 12/2015- nay: Phó trưởng Phòng Kỹ thuật sản xuất- Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

#### **2.1.7- Thành viên Ban kiểm soát – Bà Nguyễn Thị Hương**

Ngày tháng năm sinh: 04/03/1979

Nơi sinh: An Thượng, Hoài Đức, Hà Tây

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: An Thượng, Hoài Đức, Hà Tây

Địa chỉ thường trú: tổ 13, phường Tân Thịnh, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 10/2002-2008: nhân viên phòng Kinh tế kế hoạch- Công ty Cổ phần xi măng Sông Đà.



- 2009-10/2012: Phó trưởng phòng Kinh tế kế hoạch- Công ty Cổ phần xi măng Sông Đà.

- Từ 11/2012- 31/5/2013: Quyền Trưởng Phòng Kế hoạch- Công ty Cổ phần xi măng Sông Đà.

- Từ 31/5/2013 - nay: Trưởng Phòng Kế hoạch- Công ty Cổ phần ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

### **2.1.8 Tổng Giám đốc Công ty - Ông Đặng Xuân Dương** ( Xem phần trên)

- Miễn nhiệm chức vụ ngày 31/05/2017.

### **2.1.9 Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty – Vũ Tiến Hưng**

Ngày tháng năm sinh: 05/11/1975

Nơi sinh: Duyên Hưng, Nam Lợi, Nam Trực, Nam Định.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Duyên Hưng, Nam Lợi, Nam Trực, Nam Định.

Địa chỉ thường trú: tổ 19, phường Tân Thịnh, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 1997-1998: nhân viên phòng Kế toán chi nhánh Công ty Xây lắp- Vật tư- Vận tải Sông Đà 12 tại Hòa Bình.

- 1998-1999: Phó Kế toán trưởng chi nhánh Công ty Xây lắp- Vật tư- Vận tải Sông Đà 12 tại Hòa Bình.

- 1999-2001: Kế toán trưởng chi nhánh Công ty Xây lắp- Vật tư- Vận tải Sông Đà 12 tại Hòa Bình.

- 2001 - 10/2016: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà ( từ ngày 22 tháng 7 năm 2014 kiêm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà ) .

- 11/2016- nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình kiêm Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình

Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình

- Đã miễn nhiệm ngày 31/01/2017.

Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

### **2.1.10 Giám đốc Kỹ thuật Công ty – Ông Nguyễn Thế Vinh** ( Xem phần trên)

### **2.1.11 Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Nguyễn Văn Thành**

Ngày tháng năm sinh: 11/03/1991

Nơi sinh: Hà Toại, Hà Trung, Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hà Toại, Hà Trung, Thanh Hóa.

Địa chỉ thường trú: Hà Toại, Hà Trung, Thanh Hóa.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

Quá trình công tác:

- Từ tháng 10/2013-09/2016: Trợ lý Kiểm toán viên tại CN Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội.
- Từ tháng 10/2016-30/01/2017: Kế toán tổng hợp Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình.
- Từ tháng 02/2017-nay: Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình.
- Chức vụ công tác hiện nay Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

## 2.2- Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:
  - + Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD ngày 30/01/2017.
- Thay đổi Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng điều hành trong năm:
  - + Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD ngày 30/01/2017.
- Số lượng cán bộ, nhân viên đến 31/12/2017: 07 người

## 2.3- Chính sách đối với người lao động:

- Thực hiện đóng BHXH, BHYT cho CBCNV của Công ty

## 3. Tình hình thực hiện các dự án: không có

## 4. Tình hình tài chính:

### 4.1- Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	35.004.027.623	38.278.215.782	109%
Doanh thu thuần	7.039.610.779	20.486.377.764	291%
Lợi nhuận từ HĐ SXKD	(5.295.497.050)	2.773.460.082	102%
Lợi nhuận từ HĐ khác	2.421.402.803	890.796.338	(36,7%)
Lợi nhuận trước thuế	(2.874.094.247)	3.664.256.420	127%
Lợi nhuận sau thuế	(2.874.094.247)	3.664.256.420	127%

### 4.2- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		

- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	0,87	1,18
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,18	0,99
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
- Hệ số Nợ/ Tổng TS (%)	81,26%	73,29%
- Hệ số Nợ/ Vốn CSH (%)	433,8%	274,48%
<b>3. Chỉ tiêu năng lực hoạt động</b>		
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/HTK b.quân)	2,89	1,76
- Doanh thu thuần/Tổng Tài sản	0,27	0,54
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,4)	0,18
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	(0,43)	0,36
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng Tài sản	(0,08)	0,095
- Hệ số lợi nhuận thuần từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	(0,4)	0,26

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

### a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 1.887.600 cp.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.980.000 cp
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không

b. Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông được phân chia theo tiêu chí cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân, cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

### d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 92.400 cổ phần.
- Giao dịch: Không.

e. Các chứng khoán khác: Không.

## III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD:

a. **Kết quả HĐ SXKD:** (Đã trình bày tại biểu KQ HĐ SXKD Mục 1-Phần II)

### b. Đánh giá tổng quát:

Năm 2017 là một năm Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh. Công ty đã mở rộng chiến lược kinh doanh sang kinh doanh thương mại và đạt những kết quả nhất định.

### 2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính: Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản:

Trong năm 2017, Công ty không phát sinh thêm các khoản nợ xấu, nợ khó đòi phát sinh thêm 24.600.000 đồng. Các khoản nợ khó đòi từ các năm trước đã được trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định, tuy nhiên qua chỉ tiêu:

- Doanh thu thuần/Tổng Tài sản	0,27	0,54
--------------------------------	------	------

Chúng ta nhận thấy rằng hiệu quả sử dụng tài sản năm 2017 đã tăng so với năm 2016. Trong năm 2016, cứ mỗi đồng tài sản thì tạo ra cho Công ty 0,27 đồng doanh

thu, trong khi đó năm 2017 cứ mỗi đồng tài sản tạo ra được 0,54 đồng doanh thu. Bên cạnh đó vòng quay hàng tồn kho cũng bị giảm xuống: từ 2,89 vòng năm 2016 xuống còn 1,76 vòng năm 2017, điều đó chứng tỏ hàng tồn kho bị tồn đọng nhiều, hiệu quả sử dụng vốn bị giảm.

b. Tình hình nợ phải trả:

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	Năm 2016	Năm 2017
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	0,87	1,18
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,18	0,99

- Qua các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty cho thấy khả năng thanh toán nhanh, ngắn hạn năm 2017 đã được cải thiện so với năm 2016.
- Qua các chỉ tiêu phản ánh cơ cấu tài sản, chúng ta có thể nhận thấy trong tổng số tài sản mà Công ty đang nắm giữ đến 31/12/2017 là 73,29% (năm 2016 là 81,26%) số tài sản được hình thành từ các khoản nợ ngắn và dài hạn, tỷ lệ nợ năm 2017 của Công ty đã giảm so với năm 2016.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	2016	2017
- Hệ số Nợ/ Tổng TS (%)	81,26%	73,29%
- Hệ số Nợ/ Vốn CSH (%)	433,8%	274,48%

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức gọn nhẹ phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, rà soát lại lực lượng lao động và chấm dứt hợp đồng lao động đối với những người không bố trí được việc làm, thực hiện chi trả chế độ theo đúng qui định và theo biên bản thỏa thuận giữa Người sử dụng lao động và Người lao động, vận động những CBCNV gần đủ tuổi hưu thì làm thủ tục để nghỉ hưu.
- Tập trung nghiên cứu, mở rộng thị trường sang lĩnh vực khác sản xuất vật liệu xây như sản xuất gạch không nung xi măng, kinh doanh thương mại.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: (Đã trình bày tại mục 5- Phần I)

### 5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán:

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- ✓ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ✓ Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ✓ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- ✓ Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- ✓ Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ năm thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:**

##### **1. Đánh giá về các mặt hoạt động SXKD trong năm 2017:**

- Tổng giá trị SXKD: TH 23.950 triệu đồng
- Doanh thu : TH 21.773 triệu đồng
- Nộp NS nhà nước: TH 314 triệu đồng
- Lợi nhuận : TH 3.664 triệu đồng
- TN bình quân: TH 2,219 triệu đồng
- Đầu tư: không có.

##### **2. Đánh giá về hoạt động của Ban giám đốc Công ty:**

Trong quá trình thực hiện chỉ đạo việc sản xuất kinh doanh, Ban Tổng giám đốc đã cố gắng tìm mọi biện pháp, thay đổi, cải tiến công nghệ sản xuất sản phẩm gạch không nung xi măng; mở rộng thị trường kinh doanh thương mại.

##### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

###### **3.1- Mục tiêu, định hướng:**

- Nghiên cứu để triển khai thực hiện việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gạch không nung xi măng để cung cấp cho thị trường khu vực tỉnh Hòa bình và các vùng lân cận; mở rộng thị trường bán sắt thép, vật liệu xây dựng

###### **3.2- Giải pháp thực hiện:**

###### **a- Giải pháp về tổ chức sản xuất, quản lý và Điều hành:**

###### **➤ Quản lý và điều hành:**

- Xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định đảm bảo công tác điều hành, quản lý SXKD của Công ty theo phương pháp quản lý điều hành tiên tiến, phân cấp triệt để, tạo ra cơ chế chủ động, thông thoáng cho các lĩnh vực sản xuất đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty, đảm bảo sản xuất kinh doanh hiệu quả và tích lũy vốn.
- Tăng cường công tác Quản trị doanh nghiệp, nhằm tăng năng suất lao động và tiết kiệm chi phí ở tất cả các khâu sản xuất để đảm bảo tăng thu nhập và thu hút lực lượng lao động có chuyên môn giỏi, tay nghề cao.
- Thực hiện tốt kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ quản lý, trình độ nghiệp vụ cho Cán bộ và tay nghề cho công nhân. Thực hiện việc quy hoạch Cán bộ, đặc biệt là Cán bộ lãnh đạo để đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

###### **b- Giải pháp về phát triển nguồn lực con người :**

Xây dựng quy hoạch và đào tạo bồi dưỡng cán bộ nguồn đặc biệt là lực lượng cán bộ trẻ, áp dụng nhiều hình thức đào tạo, chú trọng hình thức đào tạo tại chỗ, kết hợp việc bổ nhiệm, đề bạt với việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Đào tạo bồi dưỡng trình độ, năng lực quản lý, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ kết hợp với bồi dưỡng với bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, đạo đức, tác phong lãnh đạo. Bổ sung, sửa đổi tiêu chuẩn chức danh cán bộ, tiêu chuẩn chức danh nghề theo hướng tiên tiến, chuyên nghiệp, kết hợp với việc thực hiện đãi ngộ theo nguyên tắc gắn kết giữa quyền lợi và trách nhiệm của mỗi tập thể, cá nhân.

### **c- Giải pháp về phát triển thị trường:**

Phải đẩy mạnh công tác tiêu thụ bằng cách:

- Xây dựng chính sách bán hàng và hậu mãi sau bán hàng hợp lý nhằm khai thác các thị trường tiêu thụ tiềm năng tại khu vực Hoà Bình, Phú Thọ, Sơn La, Hà Nội... .
- Tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng ở các khâu bóc xếp, vận chuyển, thanh toán, khuyến mại.

### **d- Giải pháp phát triển nguồn lực tài chính:**

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ, Không để nợ dây dưa và nợ khó đòi.
- Xây dựng chiến lược huy động vốn để đảm bảo vốn cho đầu tư và phục vụ sản xuất kinh doanh. Vì vậy Công ty mở rộng và quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng.
- Xây dựng và áp dụng định mức tiêu hao nội bộ, Xây dựng và hiệu chỉnh các định mức kinh tế kỹ thuật nội bộ cho phù hợp với công nghệ sản xuất và tình hình cụ thể, nhằm hạ giá thành sản phẩm.

## **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:**

### **1. Hội đồng quản trị:**

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị: (Đã trình bày tại Mục 2.1 - 2 - Phần 2)

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

➤ Các cuộc họp của thành viên Hội đồng quản trị:

Trong năm 2017 Hội đồng quản trị Công ty đã họp định kỳ 04 phiên, các thành viên tham dự đầy đủ đạt 100% dự họp các phiên.

➤ Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

Trong các kỳ họp của Hội đồng quản trị, căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội cổ đông giao, Hội đồng quản trị đã xem xét những kết quả đạt và chưa đạt, từ đó có những giải pháp điều chỉnh phù hợp nhằm đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty. Thành viên HĐQT chuyên trách tham gia các cuộc giao ban của Ban Tổng Giám đốc định kỳ hàng tháng; việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc, cán bộ quản lý trong Công ty qua việc theo dõi, kiểm tra báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và các báo cáo khác nhằm đảm bảo tất cả hoạt động của Công ty tuân thủ đúng pháp luật, đúng tinh thần của Nghị quyết Đại hội cổ đông.

➤ Về Công tác quản lý Công ty:

Đề quản lý Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. Căn cứ các tờ trình của Giám đốc, Hội đồng quản trị đã kịp thời xem xét giải quyết, xây dựng các nghị quyết về các vấn đề quản lý sản xuất, đầu tư theo thẩm quyền quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. Trên cơ sở Nghị quyết của HĐQT, Hội đồng quản trị đã ban hành các quyết định về quản lý điều hành Công ty.

Hội đồng quản trị đã thực hiện và duy trì chế độ họp định kỳ và đột xuất để kịp thời giải quyết, chỉ đạo các lĩnh vực hoạt động SXKD theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

➤ Công tác tổ chức và thực hiện Điều lệ:

- Trong năm 2017 Hội đồng quản trị đã họp 4 phiên có sự tham gia của Ban kiểm soát, Ban giám đốc và một số Trưởng phòng nghiệp vụ.
- Các phiên họp của HĐQT đều có các biên bản cuộc họp và ban hành nghị quyết của HĐQT, các uỷ viên HĐQT tham dự họp ký và được lưu giữ theo đúng quy định của Điều lệ Công ty.
- Ban hành 01 Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được xây dựng, thông qua theo nguyên tắc quyết định theo đa số, các ý kiến khác được bảo lưu. Chủ tịch HĐQT trên cơ sở nghị quyết ký ban hành quyết định để Tổng Giám đốc thực hiện.
- Hội đồng quản trị Công ty luôn luôn xây dựng tình thân đoàn kết nhất trí, đảm bảo dân chủ, Ngoài việc thực hiện theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được ban hành, nhưng khi có vấn đề lớn thì đều đưa ra bàn bạc dân chủ và quyết định tập thể.

## **2. Ban kiểm soát:**

a. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát: (Đã trình bày tại Mục 2.1 - 2 - Phần 2)

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát quy định trong Điều lệ của Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình & Luật doanh nghiệp nước Cộng hoà xã hội CN Việt Nam. Ban kiểm soát căn cứ vào:

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát công ty trên các mặt sau:

Kiểm tra tình hình SXKD 2017.

Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi đối với người Lao động.

Kiểm tra báo cáo tài chính năm 2017.

Kiểm soát việc ban hành và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

➤ ***Kết quả kiểm soát về quản lý, điều hành hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc:***

- Năm 2017 Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp HĐQT Công ty, kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của công ty năm 2017. Kiểm tra báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động SXKD năm 2017 và các hoạt động khác liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Đơn vị, Ban kiểm soát nhận xét:

- Hội đồng quản trị Công ty trong đó: Chủ tịch HĐQT Công ty làm việc kiêm nhiệm, ba thành viên làm việc chuyên trách. HĐQT công ty đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm nhằm mục tiêu ổn định & phát triển công ty.
- Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành các hoạt động SXKD của Công ty theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định của Pháp luật hiện hành. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của điều lệ công ty và các nghị quyết của Đại hội cổ đông, của HĐQT công ty.
- Năm 2017 mặc dù Ban Tổng giám đốc Công ty đã cố gắng khắc phục nhiều khó khăn để thực hiện kế hoạch SXKD trong điều kiện kinh tế xã hội có nhiều biến động phức tạp, nhằm duy trì ổn định sản xuất và kinh doanh cũng như bảo đảm việc làm và thu nhập cho cán bộ CNV Công ty nhưng chưa mang lại hiệu quả cao, tuy lợi nhuận tăng so với các năm trước nhưng thị trường kinh doanh khó duy trì, phát triển mở rộng.

➤ **Kết quả kiểm soát về thực hiện công tác Kế toán, tài chính:**

**Thực hiện công tác kế toán:**

- Đơn vị áp dụng chế độ kế toán Việt nam ban hành theo quyết định số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.
- Việc lập, luân chuyển, sử dụng và lưu trữ chứng từ kế toán đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ và đúng biểu mẫu theo quy định của chế độ kế toán hiện hành. Lập báo cáo đúng tiến độ quy định.
- Báo cáo tài chính năm 2017 đã mời Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán báo cáo tài chính

**Tình hình tài chính năm 2017.**

**a/ Về kết quả kinh doanh:**

- Doanh thu:	21.773.262.726 đồng,
Trong đó: <i>D.thu hoạt động bán sắt thép:</i>	17.777.960.829 đồng,
<i>D.thu HĐ tài chính &amp; DT khác</i>	3.995.301.897 đồng,
- Lợi nhuận (lãi):	3.664.256.420 đồng.
Trong đó: <i>Lãi từ HĐ bán sắt thép:</i>	5.521.636.616 đồng
<i>Lợi nhuận từ HĐTC &amp; TNK:</i>	-1.857.380.196 đồng

**b/ Về tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước:**

- Các khoản phải nộp NSNN: 314.355.021 đồng,
- Các khoản đã nộp NSNN: 314.355.021 đồng.

**c/ Tiền lương và thu nhập của CB CNV**

- Tổng quỹ lương thực trả: 798.892.636 đồng,
- Tiền lương bình quân: 2.219.146 đồng/người/tháng
- Thu nhập bình quân (cả tiền trích nộp BHXH): 2.956.104 đồng/người/tháng

**d/ Về tài sản và nguồn vốn của Công ty:**

- Tổng tài sản có đến 31/12/2017: 38.278.215.782 đồng
- Trong đó: *Tài sản ngắn hạn:* 19.995.583.520 đồng



Tài sản dài hạn:	18.282.632.262 đồng
- Tổng nguồn vốn có đến 31/12/2017:	38.278.215.782 đồng
Trong đó: Vốn chủ sở hữu:	10.221.590.952 đồng
Nợ phải trả:	28.056.624.830 đồng

**e/ Về tài sản cố định và khấu hao TSCĐ đến thời điểm 31/12/2017**

- Nguyên giá TSCĐ :	14.675.288.611 đồng.
- Giá trị hao mòn lũy kế:	-12.489.749.606 đồng.
- Giá trị còn lại:	2.185.539.005 đồng.

\* **Nhận xét chung:** Qua xem xét kiểm tra một số báo cáo của Công ty, Ban kiểm soát có một số nhận xét như sau:

- Công tác quản lý điều hành hoạt động SXKD của Công ty năm 2017 thực hiện theo đúng Điều lệ hoạt động của Công ty và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát:**

- a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: **0,đồng/năm.**  
Trong đó:
- Lương chi trả cho Chủ tịch HĐQT:  
Ông: Nguyễn Văn Hưng- Chủ tịch HĐQT: 12.000.000,đồng/năm
  - Lương chi trả cho Ban Tổng Giám đốc điều hành:  
Ông Nguyễn Thế Vinh- Giám đốc Kỹ thuật: 12.523.077 đồng/năm.  
Ông Vũ Tiến Hưng- Giám đốc tài chính: 12.684.126 đồng/năm.  
Ông: Nguyễn Văn Thành- Phó Giám đốc : 106.307.692,đồng/năm
  - Thù lao chi trả cho BKS: Không có
  - Thù lao chi trả cho thành viên HĐQT: Không có
- b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không.
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không.
- d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:
- Đối với Hội đồng quản trị: (Đã trình bày tại Mục 1 – Phần V)
  - Đối với Ban kiểm soát: (Đã trình bày tại Mục 2 – Phần V)

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

**1. Ý kiến kiểm toán:**

Được trình bày tại “Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017” kèm theo Báo cáo này.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 30/03/2018, từ trang 06 đến trang 30 gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi thực hiện kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính, sự tuân thủ các quy chế về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản theo các thủ tục kiểm toán thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán đầu tư công trình hoàn thành. Việc này chỉ thực hiện khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)**

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Công ty chưa tiến hành đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ phải thu khách hàng, phải trả người bán, phải trả khác tại ngày 31/12/2017. Các thủ tục thay thế không thực hiện được, theo đó chúng tôi không đưa ý kiến về các khoản công nợ phải thu khách hàng, phải trả người bán, phải trả khác chưa được đối chiếu xác nhận cũng như ảnh hưởng của các khoản mục này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/2/2017.

### **Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoài vấn đề ngoại trừ nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam kiểm toán và đã đưa ra ý kiến nhấn mạnh về tính liên tục hoạt động về Báo cáo tài chính đó tại ngày 20/01/2017.

( Đã ký)

( Đã ký)

---

**Phạm Gia Đạt**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy Chứng nhận ĐKHNKT số:

0798-2018-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018*

---

**Nguyễn Văn Hải**

**Kiểm toán viên**

Giấy Chứng nhận ĐKHNKT số:

1395-2018-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2017

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>19.995.583.520</b>	<b>14.145.767.879</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>2.245.407.259</b>	<b>343.419.907</b>
Tiền	111		2.245.407.259	343.419.907
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>8.159.750.337</b>	<b>3.143.137.135</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	9.062.307.685	6.933.772.520
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		51.097.600	77.347.600
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	2.954.603.403	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	859.521.922	875.197.288
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.767.780.273)	(4.743.180.273)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.195.537.848</b>	<b>2.964.684.160</b>
Hàng tồn kho	141	9	3.195.537.848	2.964.684.160
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.394.888.076</b>	<b>7.694.526.677</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	5.164.853.564	5.557.639.401
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.080.082.229	1.986.934.993
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	149.952.283	149.952.283
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>18.282.632.262</b>	<b>20.858.259.744</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.185.539.005</b>	<b>-</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.185.539.005	-
- Nguyên giá	222		14.675.288.611	12.255.358.133
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.489.749.606)	(12.255.358.133)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>16.097.093.257</b>	<b>20.858.259.744</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	16.097.093.257	20.858.259.744
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>38.278.215.782</b>	<b>35.004.027.623</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>28.056.624.830</b>	<b>28.446.693.091</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>18.693.597.221</b>	<b>16.333.665.482</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	10.259.150.840	8.393.385.072
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		16.810.000	16.810.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	142.511.624	138.922.698
Phải trả người lao động	314		131.426.578	704.086.942
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		221.502.132	376.767.600
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	6.121.746.047	2.528.661.395
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	1.800.000.000	4.174.581.775
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		450.000	450.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.363.027.609</b>	<b>12.113.027.609</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	9.363.027.609	12.113.027.609
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>10.221.590.952</b>	<b>6.557.334.532</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>10.221.590.952</b>	<b>6.557.334.532</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		19.800.000.000	19.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.800.000.000	19.800.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(1.366.318.570)	(1.366.318.570)
Quỹ đầu tư phát triển	418		18.365.296.322	18.365.296.322
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(26.577.386.800)	(30.241.643.220)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	421a		(30.241.643.220)	(27.367.548.973)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.664.256.420	(2.874.094.247)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>38.278.215.782</b>	<b>35.004.027.623</b>

Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Nguyễn Văn Thành

Nguyễn Văn Hưng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>18</b>	<b>20.486.377.764</b>	<b>7.039.610.779</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	10.113.636
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>20.486.377.764</b>	<b>7.029.497.143</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>19</b>	<b>15.075.550.560</b>	<b>9.582.901.727</b>
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>5.410.827.204</b>	<b>(2.553.404.584)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	139.804.882	6.968.673
Chi phí tài chính	22	21	1.158.684.167	193.614.002
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.158.684.167</i>	<i>193.614.002</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.618.487.837	2.303.312.345
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.773.460.082</b>	<b>(5.295.497.050)</b>
Thu nhập khác	31	22	1.147.080.080	3.665.464.373
Chi phí khác	32	23	256.283.742	1.244.061.570
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>890.796.338</b>	<b>2.421.402.803</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>3.664.256.420</b>	<b>(2.874.094.247)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>3.664.256.420</b>	<b>(2.874.094.247)</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>24</b>	<b>1.988</b>	<b>(1.559)</b>

*Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2018***Người lập****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Nguyễn Thị Bích Nguyệt****Nguyễn Văn Thành****Nguyễn Văn Hưng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>3.664.256.420</b>	<b>(2.874.094.247)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		234.391.473	197.806.860
Các khoản dự phòng	03		24.600.000	156.102.371
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(139.804.882)	(1.976.968.673)
Chi phí lãi vay	06		1.158.684.167	193.614.002
Các điều chỉnh khác	07		-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>4.942.127.178</b>	<b>(4.303.539.687)</b>
<b>Tăng, giảm các khoản phải thu</b>	09		(1.155.157.035)	276.432.880
<b>Tăng, giảm hàng tồn kho</b>	10		(230.853.688)	682.532.510
<b>Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)</b>	11		7.736.173.401	7.809.872.567
<b>Tăng, giảm chi phí trả trước</b>	12		392.785.837	(5.519.209.526)
<b>Tiền lãi vay đã trả</b>	14		(1.285.602.045)	(419.230.933)
<b>Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh</b>	16		-	450.000
<b>Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh</b>	17		-	(2.217.924)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>10.399.473.648</b>	<b>(1.474.910.113)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(558.106.000)	(19.436.550.572)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.970.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.954.603.403)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		139.804.882	6.968.673
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.372.904.521)</b>	<b>(17.459.581.899)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		311.667.000	22.612.159.384
Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.436.248.775)	(6.324.550.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5.124.581.775)</b>	<b>16.287.609.384</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>1.901.987.352</b>	<b>(2.646.882.628)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>343.419.907</b>	<b>2.990.302.535</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>2.245.407.259</b>	<b>343.419.907</b>

Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Nguyễn Văn Thành

Nguyễn Văn Hưng

---

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà, công ty tiền thân được thành lập theo Quyết định 1461/QĐ-BXD ngày 01/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở chuyển đổi bộ phận doanh nghiệp Nhà nước là Nhà máy Xi măng Sông Đà - Công ty Sông Đà 12 thuộc Tổng Công ty Sông Đà.

Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5400213153 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 29 tháng 11 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 01 tháng 11 năm 2016.

Tên tiếng Anh: Hoa Binh province Hung Long Trading Investment Joint Stock Company.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 11, phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

### **1.2 Hoạt động sản xuất kinh doanh chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Trồng rừng và chăm sóc cây rừng;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
- Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác;
- Sản xuất bê tông và sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất và chế biến bột đá;
- Sản xuất bê tông tươi;
- Phá dỡ;
- Hoạt động bốc xếp dỡ hàng hóa và dịch vụ liên quan đến bến cảng;
- Sản xuất gạch không nung;
- Sản xuất vữa đóng bao;
- Sản xuất cát nhân tạo;
- Các hoạt động kinh doanh khác...

## **2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Công ty từ 01/01 đến 31/12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.



---

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **4.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### **4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư được gọi là có tính thanh khoản cao khi thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

### **4.4 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Đối với các hợp đồng các công trình xây dựng dở dang tại ngày kết thúc niên độ kế toán, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo các chi phí trực tiếp thực tế phát sinh cho từng công trình cộng với các chi phí sản xuất chung phân bổ tương ứng với phần công việc dở dang chưa xác định doanh thu trong năm.

### **4.5 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm là các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí xây lắp, thiết bị, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

---

## 4.6 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Công ty trích lập các khoản dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

## 4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà xưởng vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Tài sản cố định hữu hình khác	03-10

## 4.8 GHI NHẬN DOANH THU CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Cụ thể như sau:

### Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự chuyển giao hàng hóa và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và được người mua chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định đáng tin cậy căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối

---

lượng công việc hoàn thành, phiếu giá đã thống nhất với khách hàng và được khách hàng xác nhận phản ánh trên hóa đơn tài chính đã lập và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu tài chính:

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Ghi nhận chi phí:

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu và niên độ kế toán hiện hành.

#### **4.9 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; lỗ do bán ngoại tệ; chiết khấu thanh toán cho người mua; các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

#### **4.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của năm hiện hành và số thuế hoãn lại (nếu có).

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### **4.11 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

#### **4.12 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

---

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, các tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi quy định tại Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## **5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

---

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.207.211.707	336.227.305
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38.195.552	7.192.602
	<b>2.245.407.259</b>	<b>343.419.907</b>

## 6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>9.062.307.685</b>	<b>4.767.780.273</b>	<b>6.933.772.520</b>	<b>4.743.180.273</b>
- Công ty TNHH TM 01 thành viên Đại Hùng Cường	309.316.750	309.316.750	309.316.750	309.316.750
- Công ty CP VLXD CN sạch Sông Đà	382.226.087	382.226.087	382.226.087	382.226.087
- Công ty CPĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	1.247.961.306	-	47.628.128	-
- Công ty TNHH MTV Cơ khí chế tạo Việt Phát	336.648.729	-	-	-
- CN Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	1.048.043.390	-	-	-
- Chu Ánh Tuyết	840.068.000	840.068.000	840.068.000	840.068.000
- Công nợ của XN 12.6 chuyển sang	1.168.536.074	1.168.536.074	1.168.536.074	1.168.536.074
- Phải thu khách hàng khác	3.729.507.349	2.067.633.362	4.185.997.481	2.043.033.362

## 7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Theo Hợp đồng vay vốn số 2007/2017/HĐVV ngày 20/07/2017, Công ty cho Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Điện Biên vay 3,3 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay là 10,5%/năm. Đến thời điểm 31/12/2017 số dư nợ gốc vay là 2.954.603.403 đồng.

## 8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>859.521.922</b>	<b>-</b>	<b>875.197.288</b>	<b>-</b>
- Phải thu người lao động	56.686.186	-	113.710.728	-
- Công ty CP ĐTPT KCN Hải Hà (*)	550.000.000	-	550.000.000	-
- Tạm ứng	29.564.525	-	125.235.082	-
- Các khoản phải thu khác	223.271.211	-	86.251.478	-

(\*) Khoản tiền Tập đoàn Sông Đà nay là Tổng Công ty Sông Đà nhận ủy thác đầu tư của Công ty để tham gia góp vốn điều lệ đợt 1 vào Công ty CP ĐTPT KCN Hải Hà theo công văn số 195/TCT-TCKT ngày 20/02/2018.

---

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.439.372.613	-	2.767.620.124	-
Công cụ, dụng cụ	178.183.583	-	183.506.910	-
Thành phẩm	-	-	11.510.670	-
Hàng hóa	577.981.652	-	2.046.456	-
	<b>3.195.537.848</b>	-	<b>2.964.684.160</b>	-

---

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.164.853.564</b>	<b>5.557.639.401</b>
Chi phí hoạt động dây chuyền gạch	-	3.214.329.735
Chi phí thiết bị sửa chữa, cải tạo, làm đường	1.348.426.952	1.434.218.757
Chi phí tháo dỡ, dọn vệ sinh tạo mặt bằng	3.816.426.612	909.090.909
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>5.164.853.564</b>	<b>5.557.639.401</b>

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dây chuyền sản xuất gạch không nung	16.097.093.257	20.858.259.744
	<b>16.097.093.257</b>	<b>20.858.259.744</b>



**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2017	9.415.896.418	1.298.961.993	1.540.499.722	-	12.255.358.133
- Đầu tư XDCB hoàn thành	304.062.399	1.627.957.829	-	487.910.250	2.419.930.478
31/12/2017	<u>9.719.958.817</u>	<u>2.926.919.822</u>	<u>1.540.499.722</u>	<u>487.910.250</u>	<u>14.675.288.611</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2017	9.415.896.418	1.298.961.993	1.540.499.722	-	12.255.358.133
- Khấu hao trong năm	22.804.677	162.795.780		48.791.016	234.391.473
31/12/2017	<u>9.438.701.095</u>	<u>1.461.757.773</u>	<u>1.540.499.722</u>	<u>48.791.016</u>	<u>12.489.749.606</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2017	-	-	-	-	-
31/12/2017	<u>281.257.722</u>	<u>1.465.162.049</u>	<u>-</u>	<u>439.119.234</u>	<u>2.185.539.005</u>

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.255.358.133 đồng

### 13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
		VND		VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>10.259.150.840</b>	<b>10.259.150.840</b>	<b>8.393.385.072</b>	<b>8.393.385.072</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại Amecc	1.677.589.681	1.677.589.681	-	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.491.850.628	1.491.850.628	1.986.385.569	1.986.385.569
- Công ty TNHH CHB Việt Nam	654.082.400	654.082.400	714.082.400	714.082.400
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Đức Thành	4.652.400.000	4.652.400.000	4.652.400.000	4.652.400.000
- Công ty TNHH CHB Việt Nam Phát triển Thương mại và XNK Thành Đạt	872.401.790	872.401.790	-	-
- Các đối tượng khác	910.826.341	910.826.341	1.040.517.103	1.040.517.103

---

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>01/01/2017</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã thực nộp</b>	<b>31/12/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>trong năm</b>	<b>trong năm</b>	<b>VND</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>	
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	2.206.425.820	2.206.425.820	-
- Thuế thu nhập cá nhân	15.641.893	3.588.926	-	19.230.819
- Thuế tài nguyên	33.130.338	-	-	33.130.338
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	248.731.000	248.731.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	90.150.467	-	-	90.150.467
	<b>138.922.698</b>	<b>2.458.745.746</b>	<b>2.455.156.820</b>	<b>142.511.624</b>
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	149.952.283	-	-	149.952.283
	<b>149.952.283</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>149.952.283</b>

---

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.121.746.047</b>	<b>2.528.661.395</b>
- Kinh phí công đoàn	58.569.707	42.187.367
- Bảo hiểm xã hội	438.303.725	519.415.017
- Bảo hiểm y tế	626.850	33.088.927
- Bảo hiểm thất nghiệp	278.600	15.839.748
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.623.967.165	1.918.130.336
+ <i>Cổ tức phải trả cho các cổ đông</i>	<i>23.967.165</i>	<i>23.967.165</i>
+ <i>Triệu Thị Kim Vân</i>	-	893.827.896
+ <i>Công ty CP Đầu tư và Công nghệ Đức Thành (*)</i>	<i>5.600.000.000</i>	<i>600.000.000</i>
+ <i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>23.967.165</i>	<i>424.302.440</i>
	<b>6.121.746.047</b>	<b>2.528.661.395</b>

(\*) Đây là khoản tiền ứng trước tiền đền bù xây dựng và lắp đặt dây chuyền gạch không nung không đạt chất lượng theo yêu cầu của Công ty.

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>311.667.000</b>	<b>4.486.248.775</b>	<b>4.174.581.775</b>	<b>4.174.581.775</b>
- Công ty CP ĐTTM Hưng Long	-	-	311.667.000	386.248.775	74.581.775	74.581.775
- Vay cá nhân	-	-	-	4.100.000.000	4.100.000.000	4.100.000.000
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.800.000.000	1.800.000.000				
<i>Ngân hàng TMCP Công thương CN Điện Biên</i>	<i>1.800.000.000</i>	<i>1.800.000.000</i>				
<b>Vay dài hạn</b>	<b>11.163.027.609</b>	<b>11.163.027.609</b>	-	<b>950.000.000</b>	<b>12.113.027.609</b>	<b>12.113.027.609</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương CN Điện Biên(*)	11.163.027.609	11.163.027.609	-	950.000.000	12.113.027.609	12.113.027.609
<i>Trong đó</i>						
Số đến hạn trả trong 12 tháng	1.800.000.000	1.800.000.000			950.000.000	950.000.000
Số phải trả trên 12 tháng	9.363.027.609	9.363.027.609			11.163.027.609	11.163.027.609
	<b>11.163.027.609</b>	<b>11.163.027.609</b>	<b>311.667.000</b>	<b>5.436.248.775</b>	<b>16.287.609.384</b>	<b>16.287.609.384</b>

(\*) Hợp đồng hạn mức số 55/2016-HĐTD//NHCT184-CTCPXMSD ngày 17/07/2016 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Điện Biên, hạn mức là 17.300.000.000 đồng với mục đích đầu tư dây chuyền gạch không nung, lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay 72 tháng tính từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.

## 17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2016</b>	<b>19.800.000.000</b>	<b>(1.366.318.570)</b>	<b>18.365.296.322</b>	<b>(27.367.548.973)</b>	<b>9.431.428.779</b>
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	(2.874.094.247)	(2.874.094.247)
<b>31/12/2016</b>	<b>19.800.000.000</b>	<b>(1.366.318.570)</b>	<b>18.365.296.322</b>	<b>(30.241.643.220)</b>	<b>6.557.334.532</b>
<b>01/01/2017</b>	<b>19.800.000.000</b>	<b>(1.366.318.570)</b>	<b>18.365.296.322</b>	<b>(30.241.643.220)</b>	<b>6.557.334.532</b>
- Lãi trong năm	-	-	-	3.664.256.420	3.664.256.420
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>31/12/2017</b>	<b>19.800.000.000</b>	<b>(1.366.318.570)</b>	<b>18.365.296.322</b>	<b>(26.577.386.800)</b>	<b>10.221.590.952</b>

## 17.2 GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU

	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	
+ Vốn góp đầu năm	19.800.000.000	19.800.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	19.800.000.000	19.800.000.000

## 17.3 CỔ PHIẾU

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>CP</b>	<b>CP</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.980.000	1.980.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.980.000	1.980.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.980.000	1.980.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	(136.632)	(136.632)
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.843.368	1.843.368
+ Cổ phiếu phổ thông	1.843.368	1.843.368
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

## 18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>	<b>20.486.377.764</b>	<b>7.039.610.779</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	20.486.377.764	7.039.610.779

## 19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn bán hàng hàng hóa	15.075.550.560	9.582.901.727
	<b>15.075.550.560</b>	<b>9.582.901.727</b>

## 20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	139.804.882	6.968.673
	<b>139.804.882</b>	<b>6.968.673</b>

## 21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Chi phí lãi vay	1.158.684.167	193.614.002
	<b>1.158.684.167</b>	<b>193.614.002</b>

## 22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<b>1.618.487.837</b>	<b>2.303.312.345</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	326.360.160	666.278.473
- Chi phí vật liệu quản lý	-	115.837.395
- Chi phí đồ dùng văn phòng	382.261.958	282.398.086
- Chi phí khấu hao	22.804.677	-
- Thuế phí, lệ phí	275.637.979	441.279.262
- Chi phí dự phòng	24.600.000	156.102.371
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	249.479.129	282.411.894
- Chi phí quản lý khác	337.343.934	359.004.864

## 23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Chuyển nhượng tài sản	-	3.665.464.373
- Tiền bồi thường, thưởng	34.199.654	-
- Các khoản khác	1.112.880.426	-
	<b>1.147.080.080</b>	<b>3.665.464.373</b>

## 24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Chuyển nhượng tài sản	-	481.886.672
- Các khoản bị phạt	65.624.021	27.852.262
- Giá trị còn lại của thương hiệu Sông Đà	-	720.000.000
- Các khoản chi phí khác	190.659.721	14.322.636
	<b>256.283.742</b>	<b>1.244.061.570</b>

## 24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.664.256.420
Số bình quân giá quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	1.843.368
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>1.988</b>



## 25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Giám đốc Công ty xác định rằng, toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận.

## 26. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

### Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	143.514.895	720.789.080

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Bán hàng cho các bên liên quan</b>		<b>4.813.791.598</b>	<b>900.544.372</b>
Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Công ty mẹ	2.961.178.629	661.058.080
Chi nhánh Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Cùng Công ty mẹ	1.852.612.969	239.486.292
<b>Mua hàng từ các bên liên quan</b>		<b>143.491.000</b>	<b>156.899.984</b>
Chi nhánh Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Cùng Công ty mẹ	143.491.000	156.899.984
<b>Lãi vay đã trả</b>		<b>19.993.273</b>	<b>197.040.580</b>
Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Công ty mẹ	19.993.273	197.040.580

### Số dư với các bên liên quan

		31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>2.296.004.696</b>	<b>69.260.549</b>
Chi nhánh Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Cùng Công ty mẹ	1.048.043.390	21.632.421
Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Công ty mẹ	1.247.961.306	47.628.128
<b>Phải trả người bán</b>		-	<b>84.820.000</b>
Chi nhánh Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Cùng Công ty mẹ	-	84.820.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>		-	<b>4.174.581.775</b>
	Chủ tịch		
Ông Nguyễn Văn Hưng	HĐQT	-	4.100.000.000
Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Công ty mẹ	-	74.581.775

## 27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### Rủi ro thị trường

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay, nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày như tại Thuyết minh số 4.11.

#### Các loại công cụ tài chính

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.245.407.259	343.419.907
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.079.088.212	3.065.789.535
<b>Cộng</b>	<b>10.324.495.471</b>	<b>3.409.209.442</b>
	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ thuê tài chính	11.163.027.609	16.287.609.384
Phải trả người bán và phải trả khác	15.883.118.005	10.922.046.467
Chi phí phải trả	221.502.132	376.767.600
<b>Cộng</b>	<b>27.267.647.746</b>	<b>27.586.423.451</b>

Tại ngày 31/12/2017, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210 cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

---

## Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh toán và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính. Tuy nhiên Ban Giám đốc Công ty đánh giá ảnh hưởng của rủi ro thị trường đến các công cụ tài chính của Công ty là thấp.

#### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập Báo cáo là không đáng kể.

### Quản lý rủi ro thanh toán

Mục đích quản lý rủi ro thanh toán nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh toán cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh toán ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng sau đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi, nếu có. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1-5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>31/12/2017</b>			
Vay và nợ thuê tài chính	1.800.000.000	9.363.027.609	11.163.027.609
Phải trả người bán và phải trả khác	15.883.118.005	-	15.883.118.005
Chi phí phải trả	221.502.132	-	221.502.132
<b>Cộng</b>	<b>17.904.620.137</b>	<b>9.363.027.609</b>	<b>27.267.647.746</b>
<b>01/01/2017</b>			
Vay và nợ thuê tài chính	4.174.581.775	12.113.027.609	16.287.609.384
Phải trả người bán và phải trả khác	10.922.046.467	-	10.922.046.467
Chi phí phải trả	376.767.600	-	376.767.600
<b>Cộng</b>	<b>15.473.395.842</b>	<b>12.113.027.609</b>	<b>27.586.423.451</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1-5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>31/12/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.245.407.259	-	2.245.407.259
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.079.088.212	-	8.079.088.212
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.324.495.471</b>	<b>-</b>	<b>10.324.495.471</b>
<b>01/01/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	343.419.907	-	343.419.907
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.065.789.535	-	3.065.789.535
<b>Cộng</b>	<b>3.409.209.442</b>	<b>-</b>	<b>3.409.209.442</b>

#### **Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác.

### *Phải thu khách hàng*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên hạn mức tín dụng cá nhân được xác định phù hợp với đánh giá này.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng trích lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập Báo cáo trên cơ sở từng khách hàng. Thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty.

### *Các công cụ tài chính khác*

Các công cụ tài chính khác của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản cho vay ngắn hạn liên quan tới các đối tác kinh doanh và bên liên quan và Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

## **28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình đã được kiểm toán.

*Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2018*

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

**Nguyễn Thị Bích Nguyệt**

**Nguyễn Văn Thành**

**Nguyễn Văn Hưng**

**Hòa Bình, ngày 03 tháng 4 năm 2018**  
**C.TY CP ĐTTM HƯNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**